MẪU SỐ 05

(Ban hành kèm theo Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

BÁO CÁO

Kết quả nội kiểm chất lượng nước sạch

(Dùng cho đơn vị cấp nước trong từng lần nội kiểm)

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên đơn vị cấp nước: Xí nghiệp cấp nước Tân Sơn.
2. Địa chỉ: Khu 4 – xã Tân Phú –huyện Tân Sơn - Tỉnh Phú Thọ.
3. Công suất thiết kế: 4.500 m^3/ngđ / Tổng số HGĐ được cung cấp nước: 4.500 khách hàng
4. Nguồn nước nguyên liệu (ghi cụ thể): Nước mặt- Sông Bứa.
5. Thời gian kiểm tra: ngày 15 tháng 01 năm 2024.
6. Người kiểm tra: Hoàng Thị Thanh Xuân.
7. Số mẫu và vị trí lấy mẫu nước:

Mẫu 1: Bể chứa XNCN Tân Sơn.

Mẫu2: Trường mầm non Văn Luông – XNCN Tân Sơn

Mẫu 3: Trường THPT Minh Đài– XNCN Tân Sơn

B. HỒ SƠ THEO DÕI, QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

- Sổ theo dõi, sổ quản lý dữ liệu, phiếu đánh giá chất lượng.

C. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC

TT	*Mã số mẫu, lấy mẫu* / *Các thông số*	*1*	*2*	*3*	*Giới hạn tối đa cho phép*	*Đánh giá (đạt/không đạt)*
1.	*Coliform (CFU/100 ml)*	KPH	KPH	KPH	*<3*	Đạt
2.	*E.Coli hoặc Conliform chịu nhiệt (CFU/100 mL)*	KPH	KPH	KPH	*<1*	Đạt
3.	Clo dư tự do (**) (mg/L)	0,76	0,38	0,40	*Trong khoảng 0,2-1,0*	Đạt
4.	Độ đục (NTU)	0,24	0,26	0,26	*2*	Đạt
5.	Màu sắc (TCU)	4,50	5,00	5,28	*15*	Đạt
6.	Mùi, vị	Không có mùi vị lạ	Không có mùi vị lạ	Không có mùi vị lạ	*Không có mùi, vị lạ*	Đạt
7.	pH	7,35	7,40	7,50	*Trong khoảng 6,0-8,5*	Đạt

- Dấu (*) chỉ áp dụng cho đơn vị cấp nước khai thác nước ngầm.

- Dấu (**) chỉ áp dụng cho các đơn vị cấp nước sử dụng Clo làm phương pháp khử trùng.

Kết quả phân tích các chỉ tiêu trên đạt kết quả theo tiêu chuẩn, quy chuẩn Bộ y tế: QCVN01-1:2018/BYT và thông tư 41/Bộ y tế

D. CÁC BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC ***(nếu có):*** Không

Đ. ĐỀ NGHỊ: Không

Tân Sơn, ngày 15 tháng 01 năm 2024

Người kiểm tra

(Ký, ghi rõ họ tên)

Hoàng Thị Thanh Xuân

MẪU SỐ 05

(Ban hành kèm theo Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

BÁO CÁO

Kết quả nội kiểm chất lượng nước sạch

(Dùng cho đơn vị cấp nước trong từng lần nội kiểm)

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên đơn vị cấp nước: Xí nghiệp nước sạch Việt Trì.
2. Địa chỉ: Khu 1- Phường Dữu Lâu- Thành phố Việt Trì- Tỉnh Phú Thọ.
3. Công suất thiết kế: 80.000 m^3/ngđ/ Tổng số HGĐ được cung cấp nước: 57.320 khách hàng
4. Nguồn nước nguyên liệu (ghi cụ thể): Nước mặt- Sông Lô.
5. Thời gian kiểm tra: ngày 15 tháng 01 năm 2024.
6. Người kiểm tra:Nguyễn Thị Tuyến.
7. Số mẫu và vị trí lấy mẫu nước:

Mẫu 1: Bể chứa xí nghiệp nước sạch Việt Trì.

Mẫu 2: Ông Sơn – Gia Cẩm- XNNS Việt Trì.

Mẫu 3: Trường tiểu học Thọ Sơn - XNNS Việt Trì.

Mẫu 4: Ông Luật - khu 2- Vân Cơ – XNNS Việt Trì.

B. HỒ SƠ THEO DÕI, QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

- Sổ theo dõi, sổ quản lý dữ liệu, phiếu đánh giá chất lượng.

C. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC

STT	*Mã số mẫu, lấy mẫu* / *Các thông số*	*1*	*2*	*3*	*4*	*Giới hạn tối đa cho phép*	*Đánh giá (đạt/không đạt)*
1.	*Coliform (CFU/100 ml)*	KPH	KPH	KPH	KPH	*<3*	Đạt
2.	*E.Coli hoặc Conliform chịu nhiệt (CFU/100 mL)*	KPH	KPH	KPH	KPH	*<1*	Đạt
3.	Clo dư tự do (**) (mg/L)	0,68	0,42	0,36	0,38	*Trong khoảng 0,2-1,0*	Đạt
4.	Độ đục (NTU)	0,20	0,22	0,25	0,23	*2*	Đạt
5.	Màu sắc (TCU)	4,20	4,50	4,80	4,54	*15*	Đạt
6.	Mùi, vị	Không có mùi,vị lạ	Không có mùi,vị lạ	Không có mùi,vị lạ	Không có mùi,vị lạ	*Không có mùi, vị lạ*	Đạt
7.	pH	7,50	7,54	7,60	7,58	*Trong khoảng 6,0-8,5*	Đạt

- Dấu (*) chỉ áp dụng cho đơn vị cấp nước khai thác nước ngầm.

- Dấu (**) chỉ áp dụng cho các đơn vị cấp nước sử dụng Clo làm phương pháp khử trùng.

Kết quả phân tích các chỉ tiêu trên đạt kết quả theo tiêu chuẩn, quy chuẩn Bộ y tế: QCVN01-1:2018/BYT và thông tư 41/Bộ y tế

D. CÁC BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC ***(nếu có):*** Không

Đ. ĐỀ NGHỊ: Không

Việt Trì, ngày 15 tháng 01 năm 2024

Người kiểm tra

(Ký, ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Tuyến

MẪU SỐ 05

(Ban hành kèm theo Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

BÁO CÁO

Kết quả nội kiểm chất lượng nước sạch

(Dùng cho đơn vị cấp nước trong từng lần nội kiểm)

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên đơn vị cấp nước: Xí nghiệp cấp nước Phù Ninh.
2. Địa chỉ: Khu 10 - Thị Trấn Phong Châu – Huyện Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ.
3. Công suất thiết kế: 10.000 m^3/ngđ / Tổng số HGĐ được cung cấp nước: 13.302 khách hàng
4. Nguồn nước nguyên liệu (ghi cụ thể): Nước mặt- Sông Lô.
5. Thời gian kiểm tra: ngày 15 tháng 1 năm 2024.
6. Người kiểm tra: Hà Thị Mai
7. Số mẫu và vị trí lấy mẫu nước:

Mẫu 1: Bể chứa xí nghiệp cấp nước Phù Ninh.

Mẫu 2: Ông Bùi Văn Lập – Khu 4 – Hạ Giáp – XNCN Phù Ninh.

Mẫu 3:Bà Nguyễn Thị Linh – Khu Đường Nam - Thị trấn Phong Châu - XNCN Phù Ninh.

B. HỒ SƠ THEO DÕI, QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

- Sổ theo dõi, sổ quản lý dữ liệu, phiếu đánh giá chất lượng.

C. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC

TT	*Mã số mẫu, lấy mẫu* / *Các thông số*	*1*	*2*	*3*	*Giới hạn tối đa cho phép*	*Đánh giá (đạt/không đạt)*
1.	*Coliform (CFU/100 ml)*	KPH	KPH	KPH	*<3*	Đạt
2.	*E.Coli hoặc Conliform chịu nhiệt (CFU/100 mL)*	KPH	KPH	KPH	*<1*	Đạt
3.	Clo dư tự do (**) (mg/L)	0,70	0,30	0,48	*Trong khoảng 0,2-1,0*	Đạt
4.	Độ đục (NTU)	0,22	0,25	0,26	*2*	Đạt
5.	Màu sắc (TCU)	4,50	5,00	4,80	*15*	Đạt
6.	Mùi, vị	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	*Không có mùi, vị lạ*	Đạt
7.	pH	7,60	7,65	7,68	*Trong khoảng 6,0- 8,5*	Đạt

- Dấu (*) chỉ áp dụng cho đơn vị cấp nước khai thác nước ngầm.

- Dấu (**) chỉ áp dụng cho các đơn vị cấp nước sử dụng Clo làm phương pháp khử trùng.

Kết quả phân tích các chỉ tiêu trên đạt kết quả theo tiêu chuẩn, quy chuẩn Bộ y tế: QCVN01-1:2018/BYT và thông tư 41/Bộ y tế

D. CÁC BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC ***(nếu có):*** Không

Đ. ĐỀ NGHỊ: Không

Phù Ninh, ngày 15 tháng 01 năm 2024

Người kiểm tra

(Ký, ghi rõ họ tên)

Hà Thị Mai

MẪU SỐ 05

(Ban hành kèm theo Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

BÁO CÁO

Kết quả nội kiểm chất lượng nước sạch

(Dùng cho đơn vị cấp nước trong từng lần nội kiểm)

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên đơn vị cấp nước:Xí nghiệp cấp nước Phú Thọ - Cty CP cấp nước Phú Thọ
2. Địa chỉ: Phố Cao Du - Phường Âu cơ - Thị xã Phú Thọ - Phú Thọ
3. Công suất thiết kế 20.000 m^3/ngày đêm. Tổng số HGĐ được cung cấp nước: 18.439 khách hàng
4. Nguồn nước nguyên liệu (ghi cụ thể) Nước mặt - Sông hồng
5. Thời gian kiểm tra: Ngày 15 tháng 01 năm 2024
6. Người kiểm tra:Nguyễn Đức Thắng
7. Số mẫu và vị trí lấy mẫu nước:

Mẫu 1: Bể chứa nước sạch - Xí nghiệp cấp nước Phú Thọ

Mẫu 2: Hoàng Văn Hưng – Khu 6 Thanh Vinh

Mẫu 3: Nguyễn Thanh Tùng – Thanh Minh - Phú Thọ

B. HỒ SƠ THEO DÕI, QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

- Sổ theo dõi, sổ quản lý dữ liệu, phiếu đánh giá chất lượng.

C. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC

TT	*Mã số mẫu, lấy mẫu* / *Các thông số*	*1*	*2*	*3*	*Giới hạn tối đa cho phép*	*Đánh giá (đạt/không đạt)*
1	*Coliform (CFU/100 ml)*	KPH	KPH	KPH	<3	Đạt
2	*E.Coli hoặc Conliform chịu nhiệt (CFU/100 ml)*	KPH	KPH	KPH	<1	Đạt
3	Clo dư tự do (**) (mg/l)	0,70	0,40	0,52	*Trong khoảng 0,2-1,0*	Đạt
4	Độ đục (NTU)	0,22	0,25	0,24	2	Đạt
5	Màu sắc (TCU)	5,00	5,40	5,28	15	Đạt
6	Mùi, vị	Không có mùi,vị lạ	Không có mùi,vị lạ	Không có mùi,vị lạ	*Không có mùi, vị lạ*	Đạt
7	PH	7,60	7,62	7,65	*Trong khoảng 6,0- 8,5*	Đạt

- Dấu (*) chỉ áp dụng cho đơn vị cấp nước khai thác nước ngầm.

- Dấu (**) chỉ áp dụng cho các đơn vị cấp nước sử dụng Clo làm phương pháp khử trùng.

Kết quả phân tích các chỉ tiêu trên đạt tiêu chuẩn, theo quy chuẩn QCVN 01 – 1/2018/BYT và thông tư 41/2018/TT-BYT.

D. CÁC BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC ***(nếu có):*** Không

Đ. ĐỀ NGHỊ: Không

Phú Thọ, ngày 15 tháng 01 năm,2024

Người kiểm tra

(Ký, ghi rõ họ tên)

Nguyễn Đức Thắng

MẪU SỐ 05

(Ban hành kèm theo Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

BÁO CÁO

Kết quả nội kiểm chất lượng nước sạch

(Dùng cho đơn vị cấp nước trong từng lần nội kiểm)

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên đơn vị cấp nước: Xí nghiệp cấp nước Đoan Hùng.
2. Địa chỉ: Xã Phú Lâm – Huyện Đoan Hùng - Tỉnh Phú Thọ.
3. Công suất thiết kế: 3000 m^3/ngđ/ Tổng số HGĐ được cung cấp nước: 2.011 khách hàng
4. Nguồn nước nguyên liệu (ghi cụ thể): Nước mặt- SôngChảy.
5. Thời gian kiểm tra: ngày 15 tháng 1 năm 2024.
6. Người kiểm tra: Nguyễn Thị Chính.
7. Số mẫu và vị trí lấy mẫu nước:

Mẫu 1: Bể chứa xí nghiệp cấp nước Đoan Hùng

Mẫu 2: Bệnh viện đa khoa Hùng Vương – Chí Đám – XNCN Đoan Hùng.

Mẫu 3:Bà Vũ Thị Tuyến – Vân Du- XNCN Đoan Hùng.

B. HỒ SƠ THEO DÕI, QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

- Sổ theo dõi, sổ quản lý dữ liệu, phiếu đánh giá chất lượng.

C. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC

TT	*Mã số mẫu, lấy mẫu* / *Các thông số*	*1*	*2*	*3*	*Giới hạn tối đa cho phép*	*Đánh giá (đạt/không đạt)*
1.	*Coliform (CFU/100 ml)*	KPH	KPH	KPH	*<3*	Đạt
2.	*E.Coli hoặc Conliform chịu nhiệt (CFU/100 mL)*	KPH	KPH	KPH	*<1*	Đạt
3.	Clo dư tự do (**) (mg/L)	0,80	0,35	0,40	*Trong khoảng 0,2-1,0*	Đạt
4.	Độ đục (NTU)	0,24	0,26	0,26	*2*	Đạt
5.	Màu sắc (TCU)	4,00	4,60	4,60	*15*	Đạt
6.	Mùi, vị	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	*Không có mùi, vị lạ*	Đạt
7.	pH	7,40	7,50	7.,55	*Trong khoảng 6,0- 8,5*	Đạt

- Dấu (*) chỉ áp dụng cho đơn vị cấp nước khai thác nước ngầm.

- Dấu (**) chỉ áp dụng cho các đơn vị cấp nước sử dụng Clo làm phương pháp khử trùng.

Kết quả phân tích các chỉ tiêu trên đạt kết quả theo tiêu chuẩn, quy chuẩn Bộ y tế:

QCVN01-1:2018/BYTvàthôngtư 41/Bộ y tế

D. CÁC BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC ***(nếu có):*** Không

E. ĐỀ NGHỊ: Không

Đoan Hùng, ngày 15 tháng 1 năm 2024

Người kiểm tra

(Ký, ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Chính

MẪU SỐ 05

(Ban hành kèm theo Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

BÁO CÁO

Kết quả nội kiểm chất lượng nước sạch

(Dùng cho đơn vị cấp nước trong từng lần nội kiểm)

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên đơn vị cấp nước: Xí nghiệp cấp nước Yên Lập.
2. Địa chỉ: Thôn Móc Thiều- Xã Thượng Long- Huyện Yên Lập- Tỉnh Phú Thọ.
3. Công suất thiết kế: 2.000 m^3/ngđ / Tổng số HGĐ được cung cấp nước: 1.300 khách hàng
4. Nguồn nước nguyên liệu (ghi cụ thể): Nước mặt- Hồ Ly.
5. Thời gian kiểm tra: ngày 15 tháng 01 năm 2024.
6. Người kiểm tra: Triệu Đức Lâm.
7. Số mẫu và vị trí lấy mẫu nước:

Mẫu 1: Bể chứa xí nghiệp cấp nước Yên Lập.

Mẫu 2: Ông Trà - Bến xe thi trấn Yên Lập- XNCN Yên Lập.

Mẫu 3: Ông Dũng- Hưng Long - XNCN Yên Lập.

B. HỒ SƠ THEO DÕI, QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

- Sổ theo dõi, sổ quản lý dữ liệu, phiếu đánh giá chất lượng.

C. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC

TT	*Mã số mẫu, lấy mẫu* / *Các thông số*	*1*	*2*	*3*	*Giới hạn tối đa cho phép*	*Đánh giá (đạt/không đạt)*
1.	*Coliform (CFU/100 ml)*	KPH	KPH	KPH	<3	Đạt
2.	*E.Coli hoặc Conliform chịu nhiệt (CFU/100 mL)*	KPH	KPH	KPH	<1	Đạt
3.	Clo dư tự do (**) (mg/L)	0,80	0,35	0,32	*Trong khoảng 0,2-1,0*	Đạt
4.	Độ đục (NTU)	0,26	0,28	0,28	2	Đạt
5.	Màu sắc (TCU)	4,80	5,00	5,40	15	Đạt
6.	Mùi, vị	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	*Không có mùi, vị lạ*	Đạt
7.	pH	7,25	7,35	7,40	*Trong khoảng 6,0- 8,5*	Đạt

- Dấu (*) chỉ áp dụng cho đơn vị cấp nước khai thác nước ngầm.

- Dấu (**) chỉ áp dụng cho các đơn vị cấp nước sử dụng Clo làm phương pháp khử trùng.

Kết quả phân tích các chỉ tiêu trên đạt kết quả theo tiêu chuẩn, quy chuẩn Bộ y tế:

QCVN 01-1:2018/BYT và thông tư 41:2018/BYT

D. CÁC BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC ***(nếu có):*** Không

Đ. ĐỀ NGHỊ: Không

Yên Lập, ngày 15 tháng 01 năm 2024

Người kiểm tra

(Ký, ghi rõ họ tên)

Triệu Đức Lâm

MẪU SỐ 05

(Ban hành kèm theo Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

BÁO CÁO

Kết quả nội kiểm chất lượng nước sạch

(Dùng cho đơn vị cấp nước trong từng lần nội kiểm)

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên đơn vị cấp nước: Xí nghiệp cấp nước Tề Lễ
2. Địa chỉ: Khu 1 – Xã Tề Lễ – Huyện Tam Nông - Tỉnh Phú Thọ.
3. Công suất thiết kế: 2000 m^3/ngđ / Tổng số HGĐ được cung cấp nước: 454 khách hàng
4. Nguồn nước nguyên liệu (ghi cụ thể): Nước mặt- Sông Bứa.
5. Thời gian kiểm tra: ngày 15 tháng 01 năm 2024.
6. Người kiểm tra: Lê Đức Quân
7. Số mẫu và vị trí lấy mẫu nước:

Mẫu 1: Bể chứa xí nghiệp cấp nước Tề Lễ.

Mẫu 2: Bà Chung – Khu 2– Xã Quang Húc –XNCN Tề Lễ.

Mẫu 3: Ông Sơn – Khu 1 – XNCN Tề Lễ.

B. HỒ SƠ THEO DÕI, QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

- Sổ theo dõi, sổ quản lý dữ liệu, phiếu đánh giá chất lượng.

C. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC

TT	*Mã số mẫu, lấy mẫu* / *Các thông số*	*1*	*2*	*3*	*Giới hạn tối đa cho phép*	*Đánh giá (đạt/không đạt)*
1.	*Coliform (CFU/100 ml)*	KPH	KPH	KPH	<3	Đạt
2.	*E.Coli hoặc Conliform chịu nhiệt (CFU/100 mL)*	KPH	KPH	KPH	<1	Đạt
3.	Clo dư tự do (**) (mg/L)	0,62	0,38	0,35	*Trong khoảng 0,2-1,0*	Đạt
4.	Độ đục (NTU)	0,25	0,26	0,26	2	Đạt
5.	Màu sắc (TCU)	4,80	5,40	5,46	15	Đạt
6.	Mùi, vị	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	*Không có mùi, vị lạ*	Đạt
7.	pH	7,40	7,50	7,52	*Trong khoảng 6,0- 8,5*	Đạt

- Dấu (*) chỉ áp dụng cho đơn vị cấp nước khai thác nước ngầm.

- Dấu (**) chỉ áp dụng cho các đơn vị cấp nước sử dụng Clo làm phương pháp khử trùng.

Kết quả phân tích các chỉ tiêu trên đạt kết quả theo tiêu chuẩn, quy chuẩn Bộ y tế: QCVN01-1:2018/BYT và thông tư 41/Bộ y tế

D. CÁC BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC ***(nếu có):*** Không

Đ. ĐỀ NGHỊ: Không

Tam Nông, ngày 15 tháng 01 năm 2024

Người kiểm tra

(Ký, ghi rõ họ tên)

Lê Đức Quân

MẪU SỐ 05

(Ban hành kèm theo Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

BÁO CÁO

Kết quả nội kiểm chất lượng nước sạch

(Dùng cho đơn vị cấp nước trong từng lần nội kiểm)

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên đơn vị cấp nước: Xí nghiệp cấp nước Thanh Sơn
2. Địa chỉ: Phố Hạ Sơn- Thị Trấn Thanh Sơn – Huyện Thanh Sơn- Tỉnh Phú Thọ.
3. Công suất thiết kế: 3000 m^3/ngđ / Tổng số HGĐ được cung cấp nước: 3.991 khách hàng
4. Nguồn nước nguyên liệu (ghi cụ thể): Nước mặt- Suối Dòng.
5. Thời gian kiểm tra: ngày 15 tháng 01 năm 2024.
6. Người kiểm tra: Triệu Văn Nhất.
7. Số mẫu và vị trí lấy mẫu nước:

Mẫu 1: Bể chứa xí nghiệp cấp nước Thanh Sơn.

Mẫu 2: Ông Hách – Khu 19/05 – XNCN Thanh Sơn.

Mẫu 3: Ông Đinh Xuân Giới - khu 7 - Giáp Lai – XNCN Thanh Sơn.

B. HỒ SƠ THEO DÕI, QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

- Sổ theo dõi, sổ quản lý dữ liệu, phiếu đánh giá chất lượng.

C. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC

TT	*Mã số mẫu, lấy mẫu* / *Các thông số*	*1*	*2*	*3*	*Giới hạn tối đa cho phép*	*Đánh giá (đạt/không đạt)*
1.	*Coliform (CFU/100 ml)*	KPH	KPH	KPH	*<3*	Đạt
2.	*E.Coli hoặc Conliform chịu nhiệt (CFU/100 mL)*	KPH	KPH	KPH	*<1*	Đạt
3.	Clo dư tự do (**) (mg/L)	0,65	0,42	0,30	*Trong khoảng 0,2-1,0*	Đạt
4.	Độ đục (NTU)	0,26	0,28	0,30	*2*	Đạt
5.	Màu sắc (TCU)	5,50	5,80	5,86	*15*	Đạt
6.	Mùi, vị	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	*Không có mùi, vị lạ*	Đạt
7.	pH	7,40	7,50	7,55	*Trong khoảng 6,0- 8,5*	Đạt

- Dấu (*) chỉ áp dụng cho đơn vị cấp nước khai thác nước ngầm.

- Dấu (**) chỉ áp dụng cho các đơn vị cấp nước sử dụng Clo làm phương pháp khử trùng.

Kết quả phân tích các chỉ tiêu trên đạt kết quả theo tiêu chuẩn, quy chuẩn Bộ y tế: QCVN01-1:2018/BYT và thông tư 41/Bộ y tế

D. CÁC BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC ***(nếu có):*** Không

Đ. ĐỀ NGHỊ: Không

Thanh Sơn, ngày 15 tháng 01 năm 2024

Người kiểm tra

(Ký, ghi rõ họ tên)

Triệu Văn Nhất

MẪU SỐ 05

(Ban hành kèm theo Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

BÁO CÁO

Kết quả nội kiểm chất lượng nước sạch

(Dùng cho đơn vị cấp nước trong từng lần nội kiểm)

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên đơn vị cấp nước: Xí nghiệp cấp nước Thanh Thủy.
2. Địa chỉ: Khu 1- xã Xuân Lộc – huyện Thanh Thủy - Tỉnh Phú Thọ.
3. Công suất thiết kế: 16.000 m^3/ngđ / Tổng số HGĐ được cung cấp nước: 11.171 khách hàng
4. Nguồn nước nguyên liệu (ghi cụ thể): Nước mặt- Sông Đà.
5. Thời gian kiểm tra: ngày 15 tháng 1 năm 2023.
6. Người kiểm tra: Ngô Thu Hường.
7. Số mẫu và vị trí lấy mẫu nước:

Mẫu 1: Bể chứa XNCN Thanh Thủy.

Mẫu 2:Ông Nguyễn Trung Kiên – khu 3- Thạch Đồng- XNCN Thanh Thủy.

Mẫu 3:Công ty Takao Cranite Tam Nông - XNCN Thanh Thủy .

B. HỒ SƠ THEO DÕI, QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

- Sổ theo dõi, sổ quản lý dữ liệu, phiếu đánh giá chất lượng.

C. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC

TT	*Mã số mẫu, lấy mẫu* / *Các thông số*	*1*	*2*	*3*	*Giới hạn tối đa cho phép*	*Đánh giá (đạt/không đạt)*
1.	*Coliform (CFU/100 ml)*	KPH	KPH	KPH	*<3*	Đạt
2.	*E.Coli hoặc Conliform chịu nhiệt (CFU/100 mL)*	KPH	KPH	KPH	*<1*	Đạt
3.	Clo dư tự do (**) (mg/L)	0,68	0,40	0,42	*Trong khoảng 0,2-1,0*	Đạt
4.	Độ đục (NTU)	0,22	0,24	0,25	*2*	Đạt
5.	Màu sắc (TCU)	4,00	4,20	4,50	*15*	Đạt
6.	Mùi, vị	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	*Không có mùi, vị lạ*	Đạt
7.	pH	7,40	7,45	7,48	*Trong khoảng 6,0-8,5*	Đạt

- Dấu (*) chỉ áp dụng cho đơn vị cấp nước khai thác nước ngầm.

- Dấu (**) chỉ áp dụng cho các đơn vị cấp nước sử dụng Clo làm phương pháp khử trùng.

Kết quả phân tích các chỉ tiêu trên đạt kết quả theo tiêu chuẩn, quy chuẩn Bộ y tế: QCVN01-1:2018/BYT và thông tư 41/Bộ y tế

D. CÁC BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC ***(nếu có):*** Không

Đ. ĐỀ NGHỊ: Không

Thanh Thủy, ngày 15 tháng 01 năm 2024

Người kiểm tra

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngô Thu Hường

MẪU SỐ 05

(Ban hành kèm theo Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

BÁO CÁO

Kết quả nội kiểm chất lượng nước sạch

(Dùng cho đơn vị cấp nước trong từng lần nội kiểm)

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên đơn vị cấp nước: Xí nghiệp cấp nước Hạ Hòa.

2. Địa chỉ: Khu 1- Thị trấn Hạ Hòa – Huyện Hạ Hòa - Tỉnh Phú Thọ.

3. Công suất thiết kế: 3000 m^3/ngđ / Tổng số HGĐ được cung cấp nước: 1.454 khách hàng.

4. Nguồn nước nguyên liệu (ghi cụ thể): Nước mặt - Sông Hồng.

5. Thời gian kiểm tra: ngày 15 tháng 1 năm 2024.

6. Người kiểm tra:. Nguyễn Ngọc Hùng.

7. Số mẫu và vị trí lấy mẫu nước:

Mẫu 1: Bể chứa tại xí nghiệp cấp nước Hạ Hòa.

Mẫu 2: Ông Lương Quốc Ninh – Khu 3 – Thị trấn Hạ Hòa – XNCN Hạ Hòa.

Mẫu 3: Ông Hồ Đình Kiều – khu 9 – Thị trấn Hạ Hòa -XNCN Hạ Hòa..

B. HỒ SƠ THEO DÕI, QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

- Sổ theo dõi, sổ quản lý dữ liệu, phiếu đánh giá chất lượng.

C. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC

TT	*Mã số mẫu, lấy mẫu* / *Các thông số*	*1*	*2*	*3*	*Giới hạn tối đa cho phép*	*Đánh giá (đạt/không đạt)*
1.	*Coliform (CFU/100 ml)*	KPH	KPH	KPH	*<3*	Đạt
2.	*E.Coli hoặc Conliform chịu nhiệt (CFU/100 mL)*	KPH	KPH	KPH	*<1*	Đạt
3.	Clo dư tự do (**) (mg/L)	0,70	0,45	0,40	*Trong khoảng 0,2-1,0*	Đạt
4.	Độ đục (NTU)	0,22	0,24	0,25	*2*	Đạt
5.	Màu sắc (TCU)	5,20	5,40	5,60	*15*	Đạt
6.	Mùi, vị	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	*Không có mùi, vị lạ*	Đạt
7.	pH	7,52	7,56	7,60	*Trong khoảng 6,0-8,5*	Đạt

- Dấu (**) chỉ áp dụng cho các đơn vị cấp nước sử dụng Clo làm phương pháp khử trùng.

Kết quả phân tích các chỉ tiêu trên đạt kết quả theo tiêu chuẩn, quy chuẩn Bộ y tế: QCVN01-1:2018/BYT và thông tư 41/Bộ y tế.

D. CÁC BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC ***(nếu có):*** Không

Đ. ĐỀ NGHỊ: Không

Hạ Hòa, ngày 15 tháng 1 năm 2024

Người kiểm tra

(Ký, ghi rõ họ tên)

Hùng

Nguyễn Ngọc Hùng

MẪU SỐ 05

(Ban hành kèm theo Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

BÁO CÁO

Kết quả nội kiểm chất lượng nước sạch

(Dùng cho đơn vị cấp nước trong từng lần nội kiểm)

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên đơn vị cấp nước: Xí nghiệp cấp nước Thanh Ba

2. Địa chỉ: Khu 11- Thị trấn Thanh Ba – Huyện Thanh Ba - Tỉnh Phú Thọ.

3. Công suất thiết kế: 6000 m^3/ngđ.Tổng số HGĐ được cung cấp nước: 9210 khách hàng

4. Nguồn nước nguyên liệu (ghi cụ thể): Nước mặt - Sông Hồng.

5. Thời gian kiểm tra: ngày 15 tháng 01 năm 2024

6. Người kiểm tra:Nguyễn Anh Đức

7. Số mẫu và vị trí lấy mẫu nước:

Mẫu 1: Bể chứa Trạm Phương Lĩnh – XNCN Thanh Ba.

Mẫu 2: Trường THCS thị trấn Thanh Ba – XNCN Thanh Ba.

Mẫu 3: Trường THPT Hanh Cù – XNCN Thanh Ba.

B. HỒ SƠ THEO DÕI, QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

- Sổ theo dõi, sổ quản lý dữ liệu, phiếu đánh giá chất lượng.

C. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC

TT	*Mã số mẫu, lấy mẫu* / *Các thông số*	*1*	*2*	*3*	*Giới hạn tối đa cho phép*	*Đánh giá (đạt/không đạt)*
1.	*Coliform (CFU/100 ml)*	KPH	KPH	KPH	<3	Đạt
2.	*E.Coli hoặc Conliform chịu nhiệt (CFU/100 mL)*	KPH	KPH	KPH	<1	Đạt
3.	Clo dư tự do (**) (mg/L)	0,75	0,50	0,40	*Trong khoảng 0,2-1,0*	Đạt
4.	Độ đục (NTU)	0,24	0,25	0,26	2	Đạt
5.	Màu sắc (TCU)	5,15	5,65	5,80	15	Đạt
6.	Mùi, vị	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	*Không có mùi, vị lạ*	Đạt
7.	pH	7,54	7,60	7,68	*Trong khoảng 6,0- 8,5*	Đạt

- Dấu (*) chỉ áp dụng cho đơn vị cấp nước khai thác nước ngầm.
- Dấu (**) chỉ áp dụng cho các đơn vị cấp nước sử dụng Clo làm phương pháp khử trùng.

Kết quả phân tích các chỉ tiêu trên đạt kết quả theo tiêu chuẩn, quy chuẩn Bộ y tế: QCVN01-1:2018/BYT và thông tư 41/Bộ y tế

D. CÁC BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC ***(nếu có):*** Không

Đ. ĐỀ NGHỊ: Không

Thanh Ba, ngày 15 tháng 1năm 2024

NGƯỜI KIỂM TRA
(Ký, ghi rõ họ tên)

Đức.

Nguyễn Anh Đức

MẪU SỐ 05

(Ban hành kèm theo Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

BÁO CÁO

Kết quả nội kiểm chất lượng nước sạch

(Dùng cho đơn vị cấp nước trong từng lần nội kiểm)

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên đơn vị cấp nước: Xí nghiệp cấp nước Cẩm Khê.

2. Địa chỉ: Khu Đông Viên – Thị trấn Cẩm Khê - Huyện Cẩm Khê - Tỉnh Phú Thọ.

3. Công suất thiết kế: 12.000 m^3/ngđ / Tổng số HGĐ được cung cấp nước: 12.909 khách hàng

4. Nguồn nước nguyên liệu (ghi cụ thể): Nước mặt- Sông Hồng.

5. Thời gian kiểm tra: ngày 15 tháng 01 năm 2024.

6. Người kiểm tra: Nguyễn Đức Hiền.

7. Số mẫu và vị trí lấy mẫu nước:

Mẫu 1: Bể chứa xí nghiệp cấp nước Cẩm Khê.

Mẫu 2: Ông Phan Văn Vinh – Khu 4 –Yên Tập- XNCN Cẩm Khê.

Mẫu 3: Bà Phùng Thị Liên - Khu 4 – Phú Khê - XNCN Cẩm Khê.

B. HỒ SƠ THEO DÕI, QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

- Sổ theo dõi, sổ quản lý dữ liệu, phiếu đánh giá chất lượng.

C. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC

STT	*Mã số mẫu, lấy mẫu* / *Các thông số*	*1*	*2*	*3*	*Giới hạn tối đa cho phép*	*Đánh giá (đạt/không đạt)*
1.	*Coliform (CFU/100 ml)*	KPH	KPH	KPH	<3	Đạt
2.	*E.Coli hoặc Conliform chịu nhiệt (CFU/100 mL)*	KPH	KPH	KPH	<1	Đạt
3.	Clo dư tự do (**) (mg/L)	0,65	0,36	0,35	*Trong khoảng 0,2-1,0*	Đạt
4.	Độ đục (NTU)	0,20	0,25	0,26	2	Đạt
5.	Màu sắc (TCU)	5,20	5,50	5,65	15	Đạt
6.	Mùi, vị	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	*Không có mùi, vị lạ*	Đạt
7.	pH	7,55	7,62	7,65	*Trong khoảng 6,0- 8,5*	Đạt

- Dấu (*) chỉ áp dụng cho đơn vị cấp nước khai thác nước ngầm.

- Dấu (**) chỉ áp dụng cho các đơn vị cấp nước sử dụng Clo làm phương pháp khử trùng.

Kết quả phân tích các chỉ tiêu trên đạt kết quả theo tiêu chuẩn, quy chuẩn Bộ y tế: QCVN 01-1:2018/BYT và thông tư 41:2018/BYT

D. CÁC BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC ***(nếu có):*** Không

Đ. ĐỀ NGHỊ: Không

Cẩm Khê, ngày 15 tháng 01 năm 2024

Người kiểm tra

(Ký, ghi rõ họ tên)

Nguyễn Đức Hiền

MẪU SỐ 05

(Ban hành kèm theo Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

BÁO CÁO

Kết quả nội kiểm chất lượng nước sạch

(Dùng cho đơn vị cấp nước trong từng lần nội kiểm)

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên đơn vị cấp nước: Xí nghiệp Cấp nước Trung Nghĩa
2. Địa chỉ: Khu 1 - Đồng Trung - Thanh Thủy - Phú Thọ
3. Công suất thiết kế: 7200 m^3/ ngày đêm. Tổng số HGĐ được cung cấp nước: 9.630 khách hàng.
4. Nguồn nước nguyên liệu (ghi cụ thể): Nước mặt - Sông Đà
5. Thời gian kiểm tra: ngày 15 tháng 01 năm 2024
6. Người kiểm tra: Nguyễn Tiến Minh.
7. Số mẫu và vị trí lấy mẫu nước:

Mẫu 1: Bể chứa xí nghiệp cấp nước Trung Nghĩa

Mẫu 2: Trường mầm non Bảo Yên- XNCN Trung Nghĩa.

Mẫu 3: Ông Nguyễn Hữu Đức - Khu 12 –Tu Vũ - XNCN Trung Nghĩa.

B. HỒ SƠ THEO DÕI, QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

Sổ theo dõi, sổ quản lý dữ liệu, phiếu đánh giá chất lượng nước

C. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC

TT	*Mã số mẫu, lấy mẫu* / *Các thông số*	*1*	*2*	*3*	*Giới hạn tối đa cho phép*	*Đánh giá (đạt/không đạt)*
1.	*Coliform (CFU/100 ml)*	KPH	KPH	KPH	<3	Đạt
2.	*E.Coli hoặc Conliform chịu nhiệt (CFU/100 mL)*	KPH	KPH	KPH	<1	Đạt
3.	Clo dư tự do (**) (mg/L)	0,65	0,38	0,35	*Trong khoảng 0,2-1,0*	Đạt
4.	Độ đục (NTU)	0,22	0,25	0,25	2	Đạt
5.	Màu sắc (TCU)	4,20	4,60	4,85	15	Đạt
6.	Mùi, vị	Không có mùi vị lạ	Không có mùi vị lạ	Không có mùi vị lạ	*Không có mùi, vị lạ*	Đạt
7.	pH	7,40	7,50	7,55	*Trong khoảng 6,0- 8,5*	Đạt

- Dấu (*) chỉ áp dụng cho đơn vị cấp nước khai thác nước ngầm.
- Dấu (**) chỉ áp dụng cho các đơn vị cấp nước sử dụng Clo làm phương pháp khử trùng.

Kết quả phân tích các chỉ tiêu trên đạt kết quả theo tiêu chuẩn, quy chuẩn chuẩn Bộ Y Tế:

QCVN01-1:2018/BYT và thông tư 41/Bộ Y tế.

D. CÁC BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC ***(nếu có) :*** Không

Đ. ĐỀ NGHỊ: Không

Đồng Trung, ngày 15 tháng 01 năm 2024

Người kiểm tra

Nguyễn Tiến Minh